

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,  
chứng thực chữ ký trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 39/TTr-STP ngày 25/8/2009,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định việc thu lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Nai giải quyết các công việc về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, điểm chỉ theo quy định của pháp luật (trừ việc cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch theo Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch) như sau:

### 1. Đơn vị tổ chức thu

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thu lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, bao gồm:

a) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc: căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao (trừ việc cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch theo Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch).

b) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

- Chứng thực giấy tờ, văn bản chỉ bằng tiếng nước ngoài hoặc chủ yếu bằng tiếng nước ngoài có xen một số từ bằng tiếng Việt;

- Chứng thực giấy tờ, văn bản có tính chất song ngữ, trong đó có ghi đầy đủ bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài;

- Chứng thực cả hai loại giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đối với tập hồ sơ, tài liệu mà trong đó vừa có giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt vừa có giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài;

- Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Chứng thực giấy tờ, văn bản chỉ bằng tiếng Việt hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp bằng tiếng Việt, có xen một số từ bằng tiếng nước ngoài;

- Chứng thực giấy tờ, văn bản có tính chất song ngữ, trong đó có ghi đầy đủ bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài;

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt.

### 2. Mức thu

a) Đồng tiền thu lệ phí: Việt Nam đồng (VNĐ).

b) Mức thu lệ phí:

- Cấp bản sao từ số gốc: 3.000 đồng/bản;
- Chứng thực bản sao từ bản chính: 2.000 đồng/trang, từ trang thứ 3 trở lên thì mỗi trang thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 100.000 đồng/bản;
- Chứng thực chữ ký, điểm chỉ: 10.000 đồng/trường hợp.

3. Mức trích

- a) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh được giữ lại 100% lệ phí thu được.
- b) Phòng Tư pháp thành phố Biên Hòa được giữ lại 30% lệ phí thu được.
- c) Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 100% lệ phí thu được.
- d) Các cơ quan có thẩm quyền cấp bản sao từ số gốc thì được để lại 100% lệ phí thu được theo quy định tại Quyết định 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán lệ phí

a) Chứng từ thu

- Chứng từ thu lệ phí cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký do Cục thuế Đồng Nai phát hành theo quy định tại khoản 1, phần A, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

- Cơ quan thu lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí.

b) Thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí của tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu của cơ quan thuế theo quy định. Thời hạn nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước của tháng chậm nhất không quá ngày 15 của tháng tiếp theo.

- Số trích lệ phí tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này được sử dụng theo quy định tại Điểm 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và các quy định hiện hành về tài chính.

c) Lập dự toán thu, chi và quyết toán lệ phí

- Hàng năm, cơ quan tổ chức thu phải lập dự toán thu - chi về lệ phí đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành (dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi lệ phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

- Định kỳ cuối quý, năm, cơ quan tổ chức thu lệ phí phải lập quyết toán lệ phí gửi về cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán năm theo quy định.

- Đối với Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền trích lệ phí nếu chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền trích lệ phí còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

### 5. Công khai chế độ thu lệ phí

Tổ chức thu lệ phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính; nội dung thông báo gồm: tên lệ phí, mức thu, chứng từ thu, văn bản quy định thu lệ phí.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của pháp luật về lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT, NC.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**\* Trần Minh Phúc**